

Bản án số: 176/2019/HS-PT

Ngày: 29-11- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nhiên

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương

Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Tô Hoa- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Hoàng Tùng- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 26 và 29/11/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 138/2019/HSPT ngày 01/7/2019 đối với các bị cáo Trần Văn H, Trần Thị O, Trần Thị H2, Đỗ Thị N do có kháng cáo của các bị cáo H, O, H2, N đối với bản án hình sự sơ thẩm số 36/2019/HSST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn H** , sinh năm 1964; tên gọi khác: Không; nơi ĐKKTT và chỗ ở: thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; Đảng, đoàn thể: Không; con ông: Trần Văn T, sinh năm 1940(đã chết) và bà: Thân Thị T, sinh năm 1938; có vợ: Trần Thị P, sinh năm 1965; có 03 con, con lớn, sinh năm 1986, con nhỏ, sinh năm 1992; gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt quả tang , bị tạm giữ từ ngày 28/11/2018 đến ngày 07/12/2018 được tại ngoại áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú , hiện đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

2. Họ và tên: **Trần Thị O**, sinh năm 1988; tên gọi khác: Không; nơi ĐKKTT và chỗ ở: thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; Đảng, đoàn thể: Không; con ông: Trần Văn H , sinh năm 1964 (là bị cáo trong cùng vụ án) và bà: Trần Thị P, sinh năm 1965; bị cáo chưa có chồng, con; gia đình có 3 chị em, bị cáo là thứ 2. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang , bị tạm giữ từ ngày 28/11/2018 đến ngày 07/12/2018 được tại ngoại áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

3. Họ và tên: Trần Thị H2, sinh năm 1971; tên gọi khác: Không; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay : Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 10/12; Đảng, đoàn thể: Không; con ông: Trần Đình K, sinh năm 1937 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1942 (đã chết); có chồng: Vi Văn C, sinh năm 1969 (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1995; gia đình có 6 chị em, bị cáo là thứ 5 trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

4. Họ và tên: Đỗ Thị N, sinh năm 1977; tên gọi khác: Không; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay : Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 5/12; Đảng, đoàn thể: Không; con ông: Đỗ Văn T, sinh năm 1952 (đã chết) và bà: Lê Thị T, sinh năm 1955; có chồng: Trần Văn H, sinh năm 1969; có 03 con, con lớn, sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2015; gia đình có 5 chị em, bị cáo là thứ 2. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang , bị tạm giữ từ ngày 28/11/2018 đến ngày 07/12/2018 được tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Khúc Văn B, sinh năm 1972. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú quán: Khu 2, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú quán: Thôn B, N, L, Bắc Giang.

3. Ông Vũ Ngọc C, sinh năm 1947. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú quán: Thôn T, T, L, Bắc Giang.

4. Ông Trần Đăng T, sinh năm 1954. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú quán: L, Thị trấn C, L, Bắc Giang.

Ngoài ra trong vụ án còn có nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng do không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi sáng ngày 27/11/2018 Tòa án nhân dân huyện L tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự đối với bị cáo Trần Văn T, sinh năm 1992, trú tại thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” quy định tại Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015 tại Hội trường xét xử số 1 của Tòa án nhân dân huyện L. Buổi chiều cùng ngày, sau khi kết thúc phần tranh luận, chuyển sang phần nghị án và tuyên án, do hết giờ làm việc nên Hội đồng xét xử tuyên bố sẽ nghị án kéo dài và tuyên án vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 28/11/2018. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 28/11/2018, ông Khúc Văn B là thẩm phán chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử tuyên bản án đối bị cáo Trần Văn T. Ngay sau khi thẩm phán chủ tọa phiên tòa công bố bản án xong và tuyên bố kết thúc phiên tòa thì Trần Thị O (là chị gái của bị cáo T) và Trần Thị H2 (là dì của bị cáo T) đang ngồi tham dự ở phía dưới phiên tòa giơ tay hô phản đối bản án và yêu cầu lực lượng chức năng phải thả bị cáo T. Sau đó O, H2 và một số người thân khác của bị cáo T xông lên phía trên Hội trường xét xử có lời nói gây rối trật tự tại hội trường xét xử Tòa án. Cụ thể: Trần Văn H (là bố của bị cáo T) từ phía dưới hội trường lao lên phía trên hội trường dùng hai tay du đẩy bàn vị trí ngồi của luật sư rồi xông về phía cửa phòng nghị án du đẩy với lực lượng Công an, du cửa phòng nghị án, dùng chân đạp vào người thẩm phán Khúc Văn B ở khu vực cửa phòng nghị án nhưng đồng chí B tránh được; Trần Thị O có lời nói chửi bới, đe dọa Hội đồng xét xử, lao vào du đẩy lực lượng Công an yêu cầu thả bị cáo T, du đẩy cửa phòng nghị án, xông vào kéo tay thẩm phán Khúc Văn B ra khỏi phòng Nghị án nhưng bị lực lượng bảo vệ của Tòa án ngăn cản, cầm biên kim loại có chữ Hội đồng xét xử định ném vào lực lượng Công an nhưng bị ngăn cản lại nên O không ném được; Đỗ Thị N (là vợ của bị cáo T) vừa kêu gào, chửi bới vừa có hành vi du đẩy bàn Kiểm sát viên, lao vào lực lượng Công an du đẩy đòi thả bị cáo T; Trần Thị H2 có lời nói chửi bới, đe dọa lực lượng công an, Hội đồng xét xử và có hành vi du đẩy lực lượng Công an đòi thả bị cáo T, nhảy lên bục xét xử, lao vào phòng nghị án đòi gặp thẩm phán chủ tọa phiên tòa. Ngoài ra còn có một số đối tượng khác gồm: Trần Văn L (là cậu của bị cáo T) đã có hành vi cản trở cán bộ Công an ghi lại hình ảnh vụ việc, cản trở cán bộ Công an dẫn giải bị cáo T từ phòng xét xử ra xe ô tô để đưa về Công an huyện; Giáp Thị T (là vợ bị cáo T) kêu gào, chửi bới và cản trở cán bộ Công an huyện dẫn giải bị cáo T từ phòng xét xử ra xe ô tô để đưa về Công an huyện; Trần Thị T (là em họ bị cáo T) kêu gào, lao lên bục của Hội đồng xét xử để phản đối, cản trở cán bộ Công an dẫn giải bị cáo T từ phòng xét xử ra xe ô tô để đưa về Công an huyện; Thân Thị T (là bà nội bị cáo T) đã có hành vi lao lên bục của Hội đồng xét xử cầm dép chỉ vào lực lượng Công an và cầm dép đập xuống bàn Hội đồng xét xử thách thức lực lượng chức năng bắt giữ T gây mất trật tự; Trần Văn H (là cậu bị cáo T) đã có hành vi lao lên khu vực Hội đồng xét xử có lời nói to tiếng đòi thả bị cáo T tại phiên tòa; Trần Thị P (là mẹ bị cáo T) đã có hành vi lao lên khu vực Hội đồng xét xử đập tay xuống bàn đòi gặp thẩm phán Khúc Văn B, chửi bới và dùng tay chỉ trỏ về lực lượng Công an đòi thả bị cáo T; Trần Văn Tuấn (là anh họ bị cáo T) đã có hành vi: Cầm điện thoại di động đi lại xung quanh phòng xét xử để quay video diễn biến sự việc; Trần Văn Trường (là chú bị cáo T) đã có lời nói gây mất trật tự, lao lên bục Hội đồng xét xử đòi thả bị cáo T tại tòa; Trần Thị L (là bác bị cáo T) đã có lời nói gây mất trật tự tại Tòa, đòi lực lượng Công an thả bị cáo T, du đẩy người nhà lên

khu vực Hội đồng xét xử để phản đối, gây mất trật tự. Công an huyện L đã tăng cường lực lượng để dẫn giải bị cáo T về nơi giam giữ và tiến hành bắt quả tang các đối tượng Trần Văn H, Trần Thị O, Đỗ Thị N, Trần Văn L, Giáp Thị T, Trần Thị T về hành vi gây rối trật công cộng. Quá trình bắt quả tang thu giữ của Trần Văn H: 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số 240142693571, 01(một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 015076, 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đỏ số 351848073184100 số IMEI 351848/07/318410/0; Trần Thị O: 01 (một) điện thoại di động Iphone mặt trước màu trắng, mặt sau màu gold (vàng hồng); Giáp Thị T: 01(một) điện thoại di động Sam sung T3 màu gold số IMEI 35992079583834/01; Trần Văn L: 01(một) điện thoại di động OPPO màu trắng bạc.

Sau khi các đối tượng nêu trên thực hiện hành vi gây rối trật tự đã khiến cho phiên tòa xét xử vụ án Vũ Hồng Hà, sinh năm 1972, trú quán, thôn B, xã T, huyện L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tiếp theo không tiến hành xét xử được. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã phải ra quyết định hoãn phiên tòa đối với vụ án này.

Đối với Trần Văn L, Giáp Thị T, Trần Thị T sau đó do chưa đủ căn cứ chứng minh hành vi gây rối trật tự công cộng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định trả tự do cho L, T, T.

Vào hồi 13 giờ cùng ngày 28/11/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tiến hành khám nghiệm hiện trường xảy ra tại Hội trường xét xử số 1 - Tòa án nhân dân huyện L thuộc khu T, Thị trấn C, huyện L. Xác định :

- + Phía Bắc tiếp giáp với Viện kiểm sát nhân dân huyện L.
- + Phía Đông tiếp giáp với Huyện đội L.
- + Phía Tây tiếp giáp với đường dẫn vào Huyện ủy L.
- + Phía Nam là khu vực khuôn viên Tòa án nhân dân huyện L.

Quá trình khám nghiệm hiện trường đã đặt ký hiệu B số mô tả vị trí các đồ vật trong hội trường bị xê dịch, hư hỏng như sau:

- Số 1: Biển Chủ tọa phiên tòa, biển Luật sư trên ghế của Hội đồng xét xử, Cách mép tường phía bắc 280cm, cách mép tường phía đông 40cm
- Số 2: Là chân micro bên dưới bàn ngồi của Hội đồng xét xử, cách vị trí số 1 là 220 cm, cách mép tường phía bắc là 220cm
- Số 3: Góc bàn ngoài phía bắc của Hội đồng xét xử trên mặt bàn là vị trí để loa, bật rời chân đế giá kim loại có bắt ốc vít, cách mép tường phía bắc 180cm, cách mép tường phía đông là 308cm
- Số 4: Biển hội thẩm nhân dân sát đường phía sau của hội trường xét xử cách vị trí số 3 là 400cm, cách mép tường phía bắc 430cm.
- Số 5: Loa hình vuông màu trắng rơi trên nền hội trường, sát mép tường phía bắc của hội trường cách vị trí số 3 là 170cm.(chiếc loa không bị hư hỏng)

- Số 6: Biển hội thẩm nhân dân rơi trên nền hội trường, cách vị trí số 5 là 50cm, cách mép tường phía bắc là 30cm

- Số 7: Bàn luật sư bị đổ về phía tường hướng bắc của hội trường, cách vị trí mép tường phía nam là 300cm, cách vị trí số 4 là 290cm

- Số 8: bàn khai của bị cáo đổ về phía bức xét xử cách vị trí số 7 là 110cm, cách mép tường phía nam 300cm.

- Số 9: ghế băng B gỗ màu xanh (ghế ngồi của bị cáo) chân ghế phía sau bị gãy bật rời lẩy ghép, vị trí đầu ghế đến tường phía nam là 90cm, cách vị trí số 8 là 300cm.

- Bàn thư ký bị xô dịch khỏi vị trí ban đầu, vị trí bàn cách mép tường phía đông là 255cm, cách bàn chủ tọa 1m25.

- Số 10: ghế băng B gỗ màu xanh bị xô dịch khỏi vị trí ban đầu.

- Trên bàn Chủ tọa có nhiều dấu vết giày, dép dính bụi.

- Trên nền nhà phát hiện có 02 cúc áo màu vàng có chữ CA, 01 số hiệu Công an nhân dân mang tên L Văn Toán, 02 phù hiệu Công an nhân dân. Quá trình khám nghiệm hiện trường thu giữ: 01 (một) loa hình vuông màu trắng , 01 (một) biển chủ tọa phiên tòa , 01 (một) biển luật sư , 01 (một) biển hội thẩm nhân dân , 02 (hai) cúc áo vàng, 01 (một) số hiệu Công an nhân dân , 02 phù hiệu Công an nhân dân.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện L tiến hành thu giữ hình ảnh Camera an ninh tại Hội trường xét xử số 1- Tòa án huyện L.

Tại bản Cáo trạng số 26/KSĐT ngày 11/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố các bị cáo Trần Văn H; Trần Thị O; Trần Thị H2; Đỗ Thị N về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm c khoản 2 điều 318 BLHS.

Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2019/HSST ngày 24/5/2019 của TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H, Trần Thị O, Trần Thị H2, Đỗ Thị N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng điểm c khoản 2 điều 318; điểm s khoản 1, điều 51; điều 17; điều 58; điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Thị O 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2018 đến ngày 07/12/2018.

Áp dụng điểm c khoản 2 điều 318; điểm s khoản 1, điều 51; điều 17; điều 58; điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Thị H2 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318; điểm s, x khoản 1 Điều 51; Điều 17; điều 58; điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Văn H 02 năm 02 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2018 đến ngày 07/12/2018.

Áp dụng điểm c khoản 2 điều 318; điểm s khoản 1, 2 điều 51; Điều 17; điều 58; điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đỗ Thị N 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2018 đến ngày 07/12/2018.

* Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/5/2019 các bị cáo Trần Thị O, Trần Thị H2, Đỗ Thị N đều kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: án sơ thẩm xử như vậy quá nặng, các bị cáo xin được hưởng án treo. Ngày 29/5/2019 bị cáo Trần Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: án sơ thẩm xử như vậy quá nặng, bị cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Thị O, Trần Thị H2, Đỗ Thị N và Trần Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo và bổ sung nội dung kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh đối với các bị cáo với lý do: Các bị cáo thành khẩn khai báo, các bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo cũng đã thừa nhận diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo như bản án sơ thẩm nêu là đúng. Các bị cáo do thiếu H biết và xuất phát từ tình cảm gia đình đối với bị cáo T nên đã có hành vi sai trái như vậy. Các bị cáo cũng thừa nhận khi chủ tọa phiên tòa công bố xong bản án thì các bị cáo đã có hành vi giơ tay phản đối bản án và yêu cầu phải thả bị cáo T; chửi bới, xúc phạm, lăng mạ Hội đồng xét xử và kéo nhau lên bàn của Hội đồng xét xử ru đồ bàn ghế của luật sư, của Kiểm sát viên và của Hội đồng xét xử. Lúc này Hội đồng xét xử, kiểm sát viên vẫn ở trong hội trường xét xử, sau đó Hội đồng xét xử đi vào sau cánh gà để vào phòng nghị án thì bị cáo H2 tiếp tục lao vào phòng nghị án đòi gặp thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bị cáo O du đẩy cửa phòng nghị án, xông vào kéo tay thẩm phán B ra khỏi phòng nghị án, nhưng bị lực lượng bảo vệ của Tòa án ngăn cản. Bị cáo H cũng thừa nhận đã lao lên du đồ bàn luật sư và tiếp tục nhảy qua bàn đó lao lên bực xét xử và lao về phía thẩm phán B định đâm và dùng chân định đá thẩm phán B nhưng thẩm phán B lùi lại được nên không trúng. Việc các bị cáo gây rối trật tự tại phiên tòa trong vụ án xét xử bị cáo T, nhưng các bị cáo không biết thẩm phán B sẽ tiếp tục xét xử vụ án khác trong buổi sáng ngày hôm đó.

Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ những người làm chứng, tuy nhiên họ có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì những người làm chứng có lời khai thể hiện như sau:

1. Anh Nguyễn Văn H, là thư ký phiên tòa hôm đó có lời khai như sau:

- Bút lục 206: "...Đến khoảng 8h sáng ngày 28/11/2018 thì phiên tòa bắt đầu B việc chủ tọa đọc bản án và tuyên án với mức án cho bị cáo T là 06 năm 06 tháng

tù. Khi vừa kết thúc phần đọc bản án, thì tất cả người thân bị cáo ồ lên chửi bới, xúc phạm, lăng mạ Hội đồng xét xử và kéo nhau lên bàn của Hội đồng xét xử ru bàn, ru ghế thì bị lực lượng Công an ngăn chặn nhưng không ngăn nổi. Hội đồng xét xử đi vào sau cánh gà vào phòng nghị án...”

2. Anh Khúc Văn B, là chủ tọa phiên tòa vụ án Trần Văn T:

- Bút lục 203: “...Đến ngày 28/11/2018, khi Tòa án làm việc thì đến 08 giờ 05 phút thì Tòa án bắt đầu tuyên án, khi tôi Thẩm phán tuyên án xong và thay mặt Hội đồng xét xử quyết định tạm giam bị cáo T 45 ngày thì phía người nhà của bị cáo T đã ào xông lên phía Hội đồng xét xử đề nghị các đồng chí Cảnh sát hỗ trợ tư pháp thả bị cáo T, cụ thể: Trần Thị O, chị H2, dơ tay và hô tất cả người nhà lao lên bục xét xử, ông H lao lên du bàn luật sư đỏ và tiếp tục nhảy qua bàn đó lao lên bục xét xử và lao về phía tôi nắm đầm định đâm tôi và dùng chân đá tôi nhưng tôi lùi lại được không trúng, O và H2 tiếp tục lao lên, tôi đã lùi lại và đi vào phòng nghị án, lúc đó đồng chí Võ thư ký Tòa án, đồng chí Trần Đăng T- Hội thẩm du một số đối tượng ra và đóng cửa không cho người nhà T vào phòng nghị án...”

- Bút lục 204: “...Chính xác có anh H, chị O, chị H2, chị Phượng và một số người khác là người thân của bị cáo T giơ tay, đứng dậy phản đối, sau đó hô hào lao lên bục xét xử và dùng chân tay định đánh tôi nhưng tôi lùi tránh được. Khi tôi đi vào phòng nghị án, các đối tượng tiếp tục kéo vào đập cửa đe dọa đánh tôi, toàn bộ sự việc đã có camera an ninh quay lại...”.

3. Ông Trần Đăng T, Hội thẩm nhân dân phiên tòa vụ T:

- Bút lục 198: “...Đến khoảng 8h cùng ngày Tòa bắt đầu tuyên án, lúc này gia đình bị cáo T đã có mặt. Sau khi đồng chí B, chủ tọa tuyên án xong, một số thành viên trong gia đình đứng dậy phản đối quyết định của Tòa án, tôi nhìn thấy chị O đứng dậy giơ tay phản đối, anh H nhảy lên đẩy bàn làm việc của luật sư đỏ ra nền nhà. Lúc đó lực lượng Công an đưa bị cáo T vào góc Hội trường xét xử, một số người trong gia đình bị cáo T lao vào giằng co với lực lượng bảo vệ bị cáo T, một số người lao lên Hội đồng xét xử, tôi nhìn thấy chị O và anh H lao về phía Hội đồng xét xử xô đẩy và có lời nói xúc phạm đến Hội đồng xét xử, đồng chí B đi vào trong phòng nghị án, tôi với đồng chí Võ thư ký Tòa án đứng ở cửa ra vào phòng nghị án...”.

- Bút lục 199: “... Chính xác tôi nhìn thấy anh H có hành động đẩy bàn làm việc của luật sư đỏ ra nền nhà. Sau đó, anh H lao vào xô đẩy Hội đồng xét xử và có những lời nói xúc phạm Hội đồng xét xử. Chị O có hành động giơ tay phản đối và xô đẩy Hội đồng xét xử. Những người khác tôi không quan sát rõ hành động, lời nói của họ do lúc đó tôi đang đứng ở cửa ra vào phòng nghị án...”

4. Ông Vũ Ngọc C: Hội thẩm nhân dân phiên tòa vụ T:

- Bút lục 194: “...Khoảng 09 giờ 10 phút ngày 28/11/2018, sau khi Hội đồng xét xử của Tòa án nhân dân huyện L vừa tuyên bản án đối với Trần Văn T xong thì những người thân trong gia đình Trần Văn T đã có hành vi gây rối, đập phá, ru đẩy bàn ghế, thóa mạ, xúc phạm Hội đồng xét xử. Cụ thể tôi biết như sau:

Trần Văn H là bồ đề của Trần Văn T có hành vi ru đẩy bàn trong hội trường xét xử, lao vào giằng co với lực lượng Công an đang bắt giữ bị cáo T, hô hoán mọi người gây rối tại phiên tòa và xông vào phòng nghị án đập chủ tọa phiên tòa.

Trần Thị O là chị gái Trần Văn T hô hoán mọi người phản đối và xúc phạm Hội đồng xét xử, lao vào khu vực bảo vệ bị cáo để giằng co giải thoát cho bị cáo, O nhặt biển chủ tọa phiên tòa từ dưới đất lên và đập lên bàn, ru đẩy và dùng tay đánh ông Trần Đăng T là Hội thẩm nhân dân.

Đỗ Thị N là vợ của Trần Văn T ru đẩy bàn của Kiểm sát viên và bàn của chủ tọa phiên tòa, lao vào khu vực bảo vệ bị cáo lôi kéo và giằng co với cán bộ Công an để giải thoát cho bị cáo T....Ngoài ra, còn 1 số đối tượng khác cũng có hành vi gây rối nhưng tôi không biết tên...”

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà các bị cáo nêu ra đã kết luận: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai diễn biến hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm nêu là đúng. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc từ trước, do bột phát mà có hành vi vi phạm pháp luật. Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: O, H2 là người khởi xướng, có vai trò đầu vụ. H, N là người hưởng ứng tích cực, giữ vai trò tiếp theo. Tuy nhiên, bị cáo H là người tích cực nhất, đã xông vào xô đẩy lực lượng Công an, xông vào khu vực khoảng chân tay đối với người tiến hành tố tụng. Căn cứ vào quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị thay đổi tội danh đối với các bị cáo, đề nghị xử các bị cáo về tội “Gây rối trật tự phiên tòa” theo khoản 1 Điều 391 Bộ luật hình sự. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bản án sơ thẩm đã nêu, đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo; riêng đối với bị cáo O và H2 đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS do bị cáo O có ông nội là liệt sỹ, bị cáo H2 có bố được tặng thưởng huân huy chương và đang phải nuôi anh Vi Văn Cánh là chồng bị bệnh tâm thần. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 357 BLTTHS chấp nhận kháng cáo của các bị cáo O, H2, H, N, sửa bản án sơ thẩm. Xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 10 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn từ tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam. Xử phạt bị cáo Trần Thị O từ 10 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, có thời gian thử thách. Xử phạt bị cáo Trần Thị H2 từ 10 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, có thời gian thử thách. Xử phạt bị cáo Đỗ Thị N từ 10 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, có thời gian thử thách.

Các bị cáo không có tranh luận gì.

Các bị cáo Trần Thị O, Trần Thị H2, Đỗ Thị N và Trần Văn H nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo và được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Thị O, Trần Thị H2, Đỗ Thị N và Trần Văn H đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

Về việc vắng mặt của người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ: Xét thấy họ đã có lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án. Do vậy, HĐXX quyết định tiếp tục xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo:

Căn cứ lời khai của các bị cáo, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn dân sự, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng căn cứ vào Biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Có thể khẳng định: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 28/11/2018, tại Hội trường số 1 Tòa án nhân dân huyện L, khi ông Khúc Văn B thẩm phán chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện L vừa tiến hành tuyên bản án đối với bị cáo Trần Văn T bị xét xử về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” xong thì người thân của bị cáo T gồm: Trần Văn H, Trần Thị O, Đỗ Thị N và Trần Thị H2 đã có hành vi chửi bới, lăng mạ, tấn công Hội đồng xét xử, các bị cáo H, O, H2 và một số người khác là người thân của bị cáo T giơ tay, đứng dậy phản đối, sau đó hô hào lên bục xét xử và dùng chân tay định đánh thẩm phán B nhưng thẩm phán B lùi tránh được; khi thẩm phán B vào phòng nghị án, các đối tượng tiếp tục kéo vào đập cửa đe dọa đánh thẩm phán; bị cáo H lao lên du bàn luật sư đồ và tiếp tục lao lên bục xét xử và lao về phía thẩm phán nắm đấm định đánh thẩm phán và dùng chân đá thẩm phán B nhưng thẩm phán lùi lại được không trúng và xông vào phòng nghị án đập chủ tọa phiên tòa; bị cáo O ru đẩy và dùng tay đánh ông Trần Đăng T là Hội thẩm nhân dân; các bị cáo du đồ bàn ghế, đồ đạc trong Hội trường xét xử để phản đối bản án và xông vào du đẩy lực lượng Công an đang làm nhiệm vụ dẫn giải bị cáo T đòi thả bị cáo T làm đứt cúc áo, rơi số hiệu, phù hiệu ngành Công an của đồng chí L Văn Toán đội trưởng - Đội trưởng hỗ trợ tư pháp Công an huyện L. Đồng thời hành vi gây rối của các bị cáo đã dẫn đến phiên tòa xét xử tiếp theo của Tòa án nhân dân huyện L, do thẩm phán Khúc Văn B làm chủ tọa phải chuyển sang buổi chiều.

Cùng ngày 28/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện L tiến hành thu giữ hình ảnh Camera an ninh tại Hội trường xét xử số 1 - Tòa án huyện L. Tại các bản ảnh có trong hồ sơ vụ án, cụ thể tại bút lục 336, 340, 355, 359 đều thể hiện: Khi đang tuyên án, thẩm phán vẫn đang đọc bản án thì gia đình bị cáo T ở dưới dơ tay lên phản đối, vừa tuyên án xong bị cáo H2 chạy lên chỗ bị cáo T đòi thả T, hiện trường bàn ghế bị du đồ khi Hội đồng xét xử vẫn ở trong phòng xét xử.

Như vậy, căn cứ lời khai của các bị cáo, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các hình ảnh đã được trích xuất từ Camera an ninh tại Hội trường xét xử số 1 - Tòa án huyện L thì thấy: Khi Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử vừa công bố xong bản án thì ngay lúc đó các bị cáo đã có hành vi chửi bới, xúc phạm Hội đồng xét xử, du đồ bàn ghế, đồ đạc trong Hội trường xét xử để

phản đối bản án trong khi những người tham dự phiên tòa và những người tiến hành tố tụng vẫn còn ở trong phòng xử án; các bị cáo có hành vi tấn công Hội đồng xét xử, hành hung thẩm phán B, Hội thẩm nhân dân là ông Thành. Với hành vi nêu trên thì đã có đủ căn cứ xác định các bị cáo Trần Văn H, Trần Thị O, Trần Thị H2 và Đỗ Thị N phạm tội “Gây rối trật tự phiên tòa” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 391 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, cũng cần phân tích thêm khi Chủ tọa phiên tòa thông báo bế mạc phiên tòa thì chỉ có nghĩa là thông báo về việc chấm dứt thủ tục tố tụng hình sự sơ thẩm đối với riêng người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong vụ án này, tiếp sau đó thì Chủ tọa phiên tòa vẫn có thể giải thích thêm về quyền kháng cáo của đương sự. Và sau khi bế mạc phiên tòa của Chủ tọa phiên tòa, nếu không có giải thích gì thêm thì mọi người sẽ rời khỏi khu vực xét xử một cách trật tự, nhưng ngay khi vừa kết thúc phần đọc bản án xong và thay mặt Hội đồng xét xử quyết định tạm giam bị cáo T 45 ngày thì các bị cáo đã ào xông lên phía Hội đồng xét xử, dơ tay hô tất cả người nhà lao lên bức xét xử, chửi bới, xúc phạm Hội đồng xét xử, du đẩy bàn ghế trong phòng xử án trước sự chứng kiến của Hội đồng xét xử nên các bị cáo H, O, H2, N đã xâm phạm đến trật tự phiên tòa. Gây rối trật tự phiên tòa không những gây rối trong hội trường xét xử mà cả phòng nghị án, hành vi của các bị cáo gây rối từ trong hội trường xét xử và tiếp tục kéo nhau vào cả phòng nghị án để chửi bới, hành hung thẩm phán B.

Do có hành vi gây rối tại phiên tòa của các bị cáo nêu trên, do đó phiên tòa xét xử vụ án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Vũ Hồng H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” do thẩm phán Khúc Văn B chính là thẩm phán đã xét xử vụ án trên không thể mở được và phải hoãn đến 14 giờ cùng ngày 28/11/2019. Không thể xác định hành vi gây rối tại phiên tòa của các bị cáo trên dẫn đến phải dừng phiên tòa này, vì: thứ nhất phiên tòa chưa được mở ra; thứ hai, tại thời điểm gây rối trật tự tại phiên tòa của vụ án hình sự trước, các bị cáo không biết được sau khi kết thúc phiên tòa này thì sẽ có một phiên tòa khác diễn ra, các bị cáo không cố ý gây rối trật tự phiên tòa để dẫn đến phải dừng phiên tòa sau đó, các bị cáo không ý thức được việc đó.

Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Văn H, Trần Thị O, Đỗ Thị N và Trần Thị H2 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm c khoản 2 điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015 là không có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị HĐXX xét xử các bị cáo về tội “Gây rối trật tự phiên tòa” theo quy định tại khoản 1 Điều 391 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; HĐXX phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận đề nghị của đại diện VKS để xét xử các bị cáo về tội “Gây rối trật tự phiên tòa”, tuy nhiên phải áp dụng điểm b khoản 1 Điều 391 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt các bị cáo mới đúng tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo với tình tiết định khung hình phạt “Hành hung Thẩm phán, Hội thẩm”.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Trần Văn H, Trần Thị O, Đỗ Thị N và Trần Thị H2 thấy:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự và sự tôn nghiêm của Tòa án, đến sự an toàn trong hoạt động xét xử của Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án thật nghiêm, tương xứng với mức độ phạm tội của các bị cáo, mới có đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của các bị cáo.

Về nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo: Cũng chỉ vì xuất phát từ tình cảm gia đình đối với bị cáo T, do các bị cáo thiếu H biết nghe theo lời của luật sư Nguyễn Bá N bào chữa cho bị cáo T trong vụ án kích động, xúi giục các bị cáo cú hô hào to, làm âm ỉ thì Công an sẽ thả bị cáo T và các bị cáo nghĩ rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã kết tội oan cho bị cáo T vì luật sư N nói thế, ngoài ra các bị cáo không có động cơ, mục đích gì khác. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo không xuất trình được căn cứ chứng minh luật sư N đã kích động các bị cáo và không có đề nghị gì đối với luật sư N nên HĐXX không có căn cứ để xem xét giải quyết.

Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có nhiều bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm, là vụ án đồng phạm nhưng mức độ giản đơn. Đối với bị cáo Trần Thị O, Trần Thị H2 là người khởi xướng, có vai trò đầu vụ. Ngay sau khi thẩm phán chủ tọa phiên tòa công bố bản án xong và tuyên bố kết thúc phiên tòa thì O và H2 đang ngồi tham dự ở phía dưới phiên tòa giơ tay hô phản đối bản án và yêu cầu lực lượng công an thả bị cáo T. Sau đó, O tiếp tục lao lên phía trên hội trường chửi bới, đe dọa Hội đồng xét xử, lao vào du đẩy lực lượng công an, du đẩy cửa phòng nghị án, xông vào kéo tay thẩm phán B ra khỏi phòng nghị án nhưng bị lực lượng bảo vệ của Tòa án ngăn lại. Bị cáo H2 chửi bới, đe dọa lực lượng công an, Hội đồng xét xử, nhảy lên bục xét xử, lao vào phòng nghị án đòi gặp thẩm phán B. Do vậy, hai bị cáo O và H2 có vai trò thứ 1. Đối với Trần Văn H, xét về vai trò thì có vai trò thứ 2 trong vụ án, bị cáo đã tiếp nhận ý chí của bị cáo O và H2 thách thức tích cực, ngay sau khi Hội đồng xét xử tuyên án xong bị cáo đã từ phía dưới hội trường lao lên phía trên hội trường dùng hai tay du đẩy bàn vị trí ngồi của luật sư rồi xông về phía cửa phòng nghị án du đẩy với lực lượng công an, du cửa phòng nghị án, dùng chân đạp vào người thẩm phán. Đối với bị cáo Đỗ Thị N, có vai trò thứ 3, sau khi chủ tọa phiên tòa tuyên án xong, bị cáo N đã có hành vi kêu gào, chửi bới, vừa có hành vi du đẩy bàn kiểm sát viên, lao vào lực lượng công an du đẩy đòi thả bị cáo T.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong vụ án này, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo H có bố đẻ là liệt sỹ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo N có bố đẻ tham gia kháng chiến được nhà nước tặng thưởng huân huy chương nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo O trình bày có ông

nội là liệt sỹ. Đối với bị cáo H2 có hoàn cảnh khó khăn, đang phải nuôi anh Vi Văn Cánh là chồng bị bệnh tâm thần có xác nhận của chính quyền địa phương, mặc dù đã ly hôn nhưng không có ai chăm sóc, bản thân bị cáo cũng mắc nhiều bệnh, sụp đổ sống Đ12, hở tim 3 lá, co thắt động mạch vành và đang điều trị bệnh tại Bệnh viện Bạch Mai 02 năm nay, có bố đẻ được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến. Các bị cáo O, H2 và N đã tự giác nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS ở cấp phúc thẩm mà cấp sơ thẩm chưa được áp dụng đối với bị cáo O và H2.

Đối với bị cáo H, là bố đẻ bị cáo O có những tình tiết giảm nhẹ nêu trên, nhưng bị cáo là người có vai trò tích cực nhất, bị cáo đã có hành vi hành hung phạm nhân B, dùng chân đá, đâm phạm nhân B nhưng phạm nhân B tránh được, du dỗ bàn ghế trong phòng xử án. Với hành vi phạm tội của các bị cáo H, H2, N thì cần phải cách ly các bị cáo H, H2, N ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét cho các bị cáo ở mức hình phạt phù hợp vì các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bố đẻ bị cáo H là liệt sỹ để thể hiện sự KH2 hòng của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo H, H2 và N. Ngoài ra, các bị cáo kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại tội danh, HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận và xét xử các bị cáo về tội “Gây rối trật tự phiên tòa” và áp dụng mức hình phạt nhẹ hơn hình phạt của tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Đối với bị cáo O: Bị cáo tuổi đời còn trẻ, là con gái chưa lập gia đình, em trai bị cáo đã phải chịu hình phạt tù buộc cách ly khỏi xã hội một thời gian trong vụ án trước, bố đẻ bị cáo cũng bị xét xử trong vụ án này. Xét thấy, để đảm bảo sự KH2 hòng, sự nhân đạo của pháp luật thì Hội đồng xét xử thấy không cần thiết buộc phải cách ly các bị cáo O ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo được hưởng án treo, có thời thách cũng đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội. Các bị cáo O có đủ điều kiện hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của các bị cáo Trần Thị O, Trần Thị H2, Trần Văn H, Đỗ Thị N được chấp nhận nên các bị cáo O, H2, H, N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Thị H2; Đỗ Thị N

và Trần Văn H, sửa bản án sơ thẩm về áp dụng điều, khoản của Bộ luật hình sự về tội nhẹ hơn. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị O, sửa bản án sơ thẩm về áp dụng điều, khoản của Bộ luật hình sự về tội nhẹ hơn và giảm mức hình phạt tù, cho bị cáo O hưởng án treo.

Tuyên bố các bị cáo Trần Thị O, Trần Thị H2, Đỗ Thị N và Trần Văn H phạm tội “Gây rối trật tự phiên tòa”.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 391; điểm s, x khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn H. Xử phạt bị cáo Trần Văn H **01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2018 đến ngày 07/12/2018.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 391; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị Trần Thị H2, Đỗ Thị N.

+ Xử phạt bị cáo Trần Thị H2 **01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Đỗ Thị N **01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2018 đến ngày 07/12/2018.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 391; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Thị O. Xử phạt bị cáo Trần Thị O **01 năm tù nhưng cho hưởng án treo**, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 29/11/2019.

Giao bị cáo Trần Thị O cho UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[2] Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Trần Thị O, Trần Thị H2, Đỗ Thị N và Trần Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Xác nhận các bị cáo Đỗ Thị N, Trần Thị H2, Trần Thị O đã nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm lần lượt tại biên lai thu tiền số: AA/2015/0002113, số: AA/2015/0002114, số: AA/2015/0002115 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung